

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

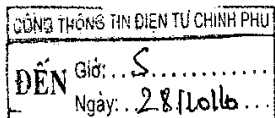
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2728/QĐ-UBND

An Giang, ngày 05 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn, công bố niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang tại Tờ trình số: 190/TTr-SKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.

1. Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

2. Trường hợp thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa được công bố tại Quyết định này hoặc có sự khác biệt giữa nội dung thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thì được áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thường xuyên cập nhật để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố những thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định này. Thời hạn cập nhật hoặc loại bỏ thủ tục hành chính này không quá 10 ngày kể từ ngày văn bản quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

hoặc loại bỏ thủ tục hành chính này không quá 10 ngày kể từ ngày văn bản quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Đối với các thủ tục hành chính nêu tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày phát hiện có sự khác biệt giữa nội dung thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này hoặc thủ tục hành chính chưa được công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC – Bộ Tư pháp;
- Cục công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Vương Bình Thạnh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH AN GIANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2128 /QĐ-UBND
ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
1	Lựa chọn sơ bộ dự án PPP	4
2	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B, C do UBND cấp tỉnh lập	6
3	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của nhà đầu tư	9
4	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia	11

PHẦN II
NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Lựa chọn sơ bộ dự án PPP

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn sơ bộ dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép lập đề xuất dự án.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận lập đề xuất dự án.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần hồ sơ: Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan.

d) Số lượng hồ sơ: Không có.

đ) Thời hạn giải quyết: Không có.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện: Cơ quan thực hiện là Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan có thẩm quyền quyết định là Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận về việc lập đề xuất dự án theo hình thức đối tác công tư.

i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Không có.

j) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Dự án được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

- Dự án được lựa chọn sơ bộ phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

+ Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

+ Phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định 15/2015/NĐ-CP và là dự án ưu tiên của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Có khả năng tạo doanh thu để hoàn vốn cho nhà đầu tư, ưu tiên dự án tạo doanh thu từ hoạt động kinh doanh.

- Ngoài các tiêu chí quy định tại Điểm a Khoản này, căn cứ mức độ thông tin của từng dự án, có thể xem xét bổ sung các tiêu chí sau để ưu tiên lựa chọn sơ bộ dự án:

- + Có nhà đầu tư quan tâm;
- + Có nhu cầu sử dụng dịch vụ lớn;
- + Có yếu tố thuận lợi để thực hiện đầu tư (dự án đã thực hiện giải phóng mặt bằng; công trình phụ trợ, đấu nối đã được xây dựng; nguyên nhiên vật liệu, máy móc công nghệ sẵn có trên thị trường);
- + Các yếu tố liên quan khác (nếu có).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.
- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B, C do Ủy ban nhân dân tỉnh lập

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được cấp thẩm quyền giao chuẩn bị dự án thực hiện việc lập đề xuất dự án theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đề xuất dự án.

- Đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện thẩm định đề xuất dự án:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và ghi phiếu tiếp nhận.

+ Tiến hành thẩm định đề xuất dự án và có văn bản lấy ý kiến của các Sở, ban ngành liên quan về nội dung đề xuất dự án.

+ Sau khi có ý kiến của các đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành lập báo cáo kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

+ Sau khi có quyết định phê duyệt đề xuất dự án Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thông báo cho đơn vị lập đề xuất dự án đến nhận kết quả.

- Người có thẩm quyền thực hiện phê duyệt đề xuất dự án: Căn cứ vào văn bản trình phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo kết quả thẩm định đề xuất dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề xuất dự án và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để trả kết quả.

- Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước đơn vị được cấp thẩm quyền giao chuẩn bị dự án tiến hành lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công để quyết định chủ trương sử dụng trước khi phê duyệt đề xuất dự án.

- Đơn vị được cấp thẩm quyền giao chuẩn bị dự án nhận kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Thẩm định:

- Văn bản trình phê duyệt đề xuất dự án;

- Đề xuất dự án theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; riêng dự án nhóm C phải có hồ sơ thiết kế cơ sở theo khoản 3 Điều 25 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.

- Ý kiến chấp thuận của người có thẩm quyền về việc lập đề xuất dự án theo hình thức PPP.

- Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước phải có văn bản phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án.

- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

(2) Phê duyệt:

- Báo cáo kết quả thẩm định đề xuất dự án;
- Đề xuất dự án;
- Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan.

d) Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bộ gửi UBND tỉnh, 04 bộ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư).

đ) Thời hạn giải quyết: Thực hiện theo quy định tại điểm đ, khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 4 Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

- Thời hạn thẩm định đề xuất dự án tối đa là 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không bao gồm thời hạn phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước quy định tại Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP

- Căn cứ hồ sơ đề xuất dự án của đơn vị chuẩn bị dự án, hồ sơ thẩm định của đơn vị thẩm định, quyết định về chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công (nếu có), Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề xuất dự án trong thời hạn 05 ngày. Trường hợp dự án do Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo phân cấp của pháp luật về đầu tư công, đề xuất dự án có thể được phê duyệt đồng thời với chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định đề xuất dự án, Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Theo quy định hiện hành.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức

PPP.

- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

3. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư:

a) Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư lập đề xuất dự án theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đề xuất dự án.

- Đơn vị được giao thẩm định đề xuất dự án thực hiện thẩm định đề xuất dự án:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và ghi phiếu tiếp nhận.

+ Tiến hành thẩm định đề xuất dự án và có văn bản lấy ý kiến của các Sở ban ngành liên quan về nội dung đề xuất dự án.

+ Sau khi có ý kiến của các đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành lập báo cáo kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

+ Sau khi có quyết định phê duyệt đề xuất dự án Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thông báo cho Nhà đầu tư (đơn vị lập đề xuất dự án) đến nhận kết quả.

- Phê duyệt đề xuất dự án: Căn cứ vào văn bản đề xuất dự án và báo cáo kết quả thẩm định đề xuất dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề xuất dự án và chuyển hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để trả kết quả.

- Nhà đầu tư nhận kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Thẩm định:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;

- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP).

- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư.

- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có).

- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có).

(2) Phê duyệt:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án.

- Báo cáo kết quả thẩm định đề xuất dự án.

- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định 15/2015/NĐ-CP).

- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư.

- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có).

- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi UBND tỉnh; 01 bộ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư).

đ) Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định đề xuất dự án, Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Theo quy định hiện hành.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

- Dự án do Nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 15/2015/NĐ-CP, cụ thể:

+ Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

+ Phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định này;

+ Có khả năng thu hút và tiếp nhận nguồn vốn thương mại, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nhà đầu tư;

+ Có khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên tục, ổn định, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng;

+ Có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, trừ dự án đầu tư theo hợp đồng O&M và dự án quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

- Nhà đầu tư là Doanh nghiệp Nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để đề xuất dự án quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.

- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

4. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B.

a) Trình tự thực hiện:

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *“Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, trên cơ sở hướng dẫn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, trừ dự án nhóm C”*.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và ghi phiếu tiếp nhận.
- Tiến hành thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và có văn bản lấy ý kiến của các Sở ban ngành liên quan về nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi.
- Sau khi có ý kiến của các đơn vị liên quan Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành lập báo cáo kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- Sau khi có quyết định phê duyệt dự án Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thông báo cho đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đến nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Thẩm định:

- Văn bản trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.
- Báo cáo nghiên cứu khả thi.
- Văn bản thỏa thuận giữa Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh với nhà đầu tư đề xuất dự án (trường hợp nhà đầu tư đề xuất).
- Quyết định phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (đối với dự án có sử dụng vốn của nhà nước).
- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.
- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

(2) Phê duyệt:

- Văn bản trình duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Văn bản thỏa thuận giữa Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh với nhà đầu tư đề xuất dự án (trường hợp nhà đầu tư đề xuất).
- Quyết định phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (đối với dự án có sử dụng vốn của nhà nước).
- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.
- Báo cáo kết quả thẩm định nghiên cứu khả thi.

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

đ) Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bộ gửi UBND tỉnh; 04 bộ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư).

đ) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định:

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày;
- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;
- Đối với dự án nhóm B: Không quá 30 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện:

(1) *Thẩm định:*

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Hội đồng thẩm định Nhà nước.
- Dự án nhóm A và nhóm B: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(2) *Phê duyệt:*

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Thủ tướng Chính phủ.
- Đối với dự án nhóm A, nhóm B (trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và tôn giáo): Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Theo quy định hiện hành.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.
- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.